



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TÍNH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79 /CV-BXMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2018

Về công bố thông tin
Thông báo kết quả kiểm toán
tại Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây

CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây**
2. Mã chứng khoán: **WCS**
3. Trụ sở chính: 395, Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP.HCM
4. Điện thoại: (028) 38776594 Fax: (028) 38752853
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Văn Thành** – người được ủy quyền công bố thông tin.
6. Nội dung công bố thông tin:
Thông báo số 904/TB-KV IV, ngày 30/11/2018 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV, về Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây.
7. Địa chỉ Website của công ty đăng tải: www.bxmt.com.vn hoặc đường link <http://bxmt.com.vn/co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

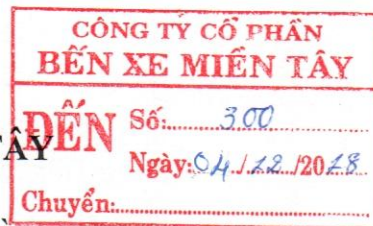
- Như trên;
- Lưu TCHC.


NGUYỄN VĂN THÀNH

Số: 904./TB-KV IV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2018

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY**



Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

Thực hiện Quyết định số 1407/QĐKTNN ngày 20/6/2018 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (sau đây viết tắt là Tổng công ty Samco), Tổ kiểm toán số 01 thuộc Đoàn kiểm toán nhà nước tại Tổng công ty Samco của Kiểm toán nhà nước khu vực IV, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (Công ty) từ ngày 06/7/2018 đến ngày 13/7/2018;

Trên cơ sở kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 20/7/2018 và xác nhận số liệu theo các Phụ lục số 01; 02; 03; 04/BBKT-DN.

Sau đây là một số kết luận chủ yếu:

1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính:

Xét trên khía cạnh trọng yếu, trong phạm vi và giới hạn kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây lập ngày 07/3/2018, sau khi điều chỉnh theo kết quả kiểm toán đã phản ánh trung thực tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2017.

2. Việc chấp hành chế độ tài chính, kế toán và công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp:

Công tác quản lý tài chính, kế toán được Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Các quy định về thuế, chuẩn mực kế toán và các văn bản quản lý nhà nước có liên quan; Các quy chế quản lý nội bộ do Công ty xây dựng, ban hành và thực hiện.

2.1. Quản lý Tài sản

- Công ty hạch toán chi phí sửa chữa trong kỳ không phù hợp giữa doanh thu và chi phí, qua kiểm toán điều chỉnh chi phí trả trước tăng 82.903.050 đồng, do phân bổ lại chi phí sửa chữa Kiốt 59.876.475 đồng và chi phí sửa chữa Máy biến thế 23.026.575 đồng.

- Công ty ghi nhận vào chi phí trong kỳ đối với một số khoản chi phí của các công trình đang tiếp tục thực hiện, qua kiểm toán điều chỉnh tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 123.636.363 đồng, cụ thể Chi phí tư vấn lập đề xuất dự án “Xây dựng Bến xe Miền Tây mới” 90.909.091 đồng, chi phí khoan khảo sát địa kỹ thuật công trình “Mở rộng nhà xe 02 bánh” 16.363.636 đồng và công trình cải tạo “Khu nhà xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc” 16.363.636 đồng.

2.2. Quản lý Nguồn vốn:

Công ty quản lý các khoản nợ phải trả theo quy định của chế độ kế toán và quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty. Công ty thực hiện quản lý và sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của công ty.

Qua kiểm tra, xác định Quỹ tiền thưởng của người quản lý giảm 683.015.625 đồng (đơn vị đã trích 1.047.290.625 đồng, được trích 364.275.000 đồng), do đơn vị trích vượt so với Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV.

2.3. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

Công ty ghi nhận doanh thu, chi phí theo quy định về chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, và các quy chế quản lý tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ của công ty. Tuy nhiên, còn một số tồn tại như sau:

- Công ty hạch toán vào chi phí trong kỳ các khoản chi phí tư vấn, lập đo đạc lập bản vẽ hiện trạng theo quy hoạch chi tiết xây dựng bến xe hiện hữu 1/500 theo Hợp đồng số 02/2012/HĐ-BIC ngày 04/01/2012, tuy nhiên dự án không thể tiếp tục thực hiện do quy hoạch không đáp ứng được hạ tầng xã hội như nhà trẻ, cây xanh, chợ...nên quy hoạch không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Qua kiểm tra loại trừ chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN các khoản chi phí (lập qui hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Bến xe Miền Tây theo Hợp đồng 02/2012/HĐ-BCI ngày 04/01/2012) không tương ứng với doanh thu trong kỳ theo Khoản 2, Điều 6 Thông tư 78/TT-BCT ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, số tiền 60.334.811 đồng.

- Hạch toán vào giá vốn hàng bán chi phí XD CB dở dang của một số dự án đang tiếp tục thực hiện như: Công trình cải tạo Khu nhà để xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc theo QĐ số 39/QĐ-BXMT ngày 04/01/2017; Công trình mở rộng Nhà xe 2 bánh theo QĐ số 52/QĐ-BXMT ngày 10/04/2017; Chi phí tư vấn lập đề xuất dự án Xây dựng Bến xe Miền Tây mới theo HĐ số

90/HĐTV-UTCV ngày 04/05/2017, do đó điều chỉnh tăng chi phí XD CB dở dang, giảm chi phí trong kỳ, tổng số tiền 123.636.363 đồng.

- Công ty phân bổ các chi phí sửa chữa Máy biến thế, Kiốt với thời gian chưa phù hợp, do đó điều chỉnh giảm chi phí 82.903.050 đồng.

2.4. Việc thực hiện nghĩa vụ NSNN

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán, xác định số phải nộp và nộp các loại thuế vào NSNN cơ bản theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra xác định thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 62.942.845 đồng, trong đó: Thuế TNDN tăng 50.982.845 đồng, Thuế GTGT tăng 11.960.000 đồng.

+ Thuế Giá trị gia tăng: Công ty chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra đối với chi phí quà tặng khách hàng và người lao động theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp: qua kiểm tra xác định thuế TNDN tăng 50.982.845 đồng do doanh thu, chi phí thay đổi.

2.5. Tình hình quản lý đất đai

Công ty đang quản lý và sử dụng Khu đất tại 395 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân với diện tích 47.392,4 m² theo các Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 03/5/2007 của UBND TP.HCM; Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 31/8/2007 điều chỉnh QĐ số 1991/QĐ-UBND. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 5863/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 13/8/2009; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 3697/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 04/6/2014 điều chỉnh Hợp đồng số 5863/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ.

Ngày 20/12/16 Cục thuế TP.HCM có Quyết định số 5696/QĐ-CT Về việc miễn tiền thuê đất xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe cho Công ty CP Bến xe Miền Tây. Theo đó, Công ty CP Bến xe Miền Tây được miễn tiền thuê đất thuộc trường hợp xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe theo Khoản 1, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ với diện tích được miễn tiền thuê đất là 45.156 m² (trong đó, diện tích văn phòng làm việc là 1.062,1 m²); Thời gian miễn tiền thuê đất từ 03/5/2016 - 10/1/2052; Số tiền được miễn 151.608.506.400 đồng.

Công ty sử dụng đất đúng mục đích được giao, thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ.

3. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 là 127.579 triệu đồng, bằng 107% so với số thực hiện năm 2016. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 là 76.989 triệu đồng, bằng 109,63% so với thực hiện năm 2016.

Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quản lý sử dụng tài sản, vốn nhà nước của Công ty thông qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

- Nhóm tỷ suất khả năng sinh lời

- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu: 53,61%
- + Tổng lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 31,87%
- + Tổng lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 27,16%
- Nhóm tỷ suất khả năng thanh toán:
- + Hệ số nợ (Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản): 0,15 lần
- + Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả): 6,76 lần,
- + Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ngày 31/12/2017 (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): 6,99 lần
- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 0,17 lần
- Hệ số bảo toàn vốn (H) = (Vốn CSH cuối kỳ /Vốn CSH đầu kỳ) = 1,23 lần. Công ty kinh doanh bảo toàn được vốn.

Qua các chỉ tiêu và chỉ số nêu trên cho thấy, kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty tăng so với năm trước và đạt vượt mức kế hoạch đề ra, duy trì tiền lương và thu nhập cho người lao động, bảo toàn được vốn nhà nước, khả năng thanh toán các khoản nợ được đảm bảo.

II. KIẾN NGHỊ

1.1. Thực hiện điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo kết quả kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán.

1.2. Kiến nghị xử lý tài chính theo kết quả kiểm toán

Thực hiện nộp ngân sách Nhà nước số tiền thuế và các khoản phải nộp khác do Kiểm toán nhà nước xác định tăng thêm số tiền là 62.942.845 đồng, trong đó: Thuế TNDN tăng 50.982.845 đồng, Thuế GTGT tăng 11.960.000 đồng.

Đề nghị Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Bến xe Miền Tây chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán nhà nước khu vực IV (*Địa chỉ: 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh*) trước ngày 31/3/2019. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: Những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do*).

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về nộp ngân sách nhà nước, giảm chi ngân sách, giảm thanh toán,... đề nghị ghi rõ trên chứng từ: "*Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN năm 2017 tại Báo cáo kiểm toán phát hành kèm theo Công văn số 630/KTNN-TH ngày 16/11/2018 tại Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV và Công văn số 870/KV IV-TH ngày 27/11/2018 của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV gửi Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh*".

Thông báo này gồm 05 trang, từ trang 1 đến trang 05 và các Phụ lục số 01, 02, 03, 04/ BBKT-DN là bộ phận không tách rời của Thông báo này. *Do*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Tổng hợp;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN khu vực IV;
- Lưu: ĐKT, VT.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Doãn Anh Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2017
TẠI CÔNG TY CP BẾN XE MIỀN TÂY

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	263.095.326.047	263.095.326.047	0
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10.068.650.056	10.068.650.056	0
1. Tiền	111	10.068.650.056	10.068.650.056	0
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	212.200.000.000	212.200.000.000	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	212.200.000.000	212.200.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	37.294.053.051	37.294.053.051	0
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	4.865.800.451	4.865.800.451	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	402.683.584	402.683.584	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	30.000.000.000	30.000.000.000	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.025.569.016	2.025.569.016	0
IV. Hàng tồn kho	140	38.649.600	38.649.600	0
1. Hàng tồn kho	141	38.649.600	38.649.600	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.493.973.340	3.493.973.340	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	92.106.300	92.106.300	0
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	3.401.867.040	3.401.867.040	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	20.193.389.335	20.399.928.748	206.539.413
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0	0
II. Tài sản cố định	220	15.645.646.024	15.645.646.024	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15.484.846.024	15.484.846.024	0
- Nguyên giá	222	59.511.726.729	59.511.726.729	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(44.026.880.705)	(44.026.880.705)	0
2. Tài sản cố định vô hình	227	160.800.000	160.800.000	0
- Nguyên giá	228	2.902.189.390	2.902.189.390	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(2.741.389.390)	(2.741.389.390)	0
III. Bất động sản đầu tư	230	0	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	4.400.423.031	4.524.059.394	123.636.363
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.400.423.031	4.524.059.394	123.636.363
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	0	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260	147.320.280	230.223.330	82.903.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	147.320.280	230.223.330	82.903.050
CỘNG TÀI SẢN	270	283.288.715.382	283.495.254.795	206.539.413
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	42.557.418.813	41.937.346.033	(620.072.780)
I. Nợ ngắn hạn	310	38.286.323.616	37.666.250.836	(620.072.780)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	63.000.258	63.000.258	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19.217.278	19.217.278	0

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.337.896.602	4.400.839.447	62.942.845
4. Phải trả người lao động	314	19.661.029.093	19.661.029.093	0
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	84.464.257	84.464.257	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.235.564.150	6.235.564.150	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	7.885.151.978	7.202.136.353	(683.015.625)
II. Nợ dài hạn	330	4.271.095.197	4.271.095.197	0
12. Phải trả dài hạn khác	337	3.471.095.197	3.471.095.197	
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	800.000.000	800.000.000	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	240.731.296.569	241.557.908.762	826.612.193
I. Vốn chủ sở hữu	410	240.731.296.569	241.557.908.762	826.612.193
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25.000.000.000	25.000.000.000	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	73.047.645.702	73.047.645.702	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	142.683.650.867	143.510.263.060	0
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	110.131.942.449	110.131.942.449	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	32.551.708.418	33.378.320.611	826.612.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0	0
CỘNG NGUỒN VỐN	440	283.288.715.382	283.495.254.795	206.539.413

1. Chi phí trả trước tăng

82.903.050 đ

Chi phí trả trước tăng, do phân bổ lại các chi phí sửa chữa trong kỳ.

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng

123.636.363 đ

Giảm giá vốn hàng bán, tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang, do Công ty ghi nhận vào chi phí trong kỳ đối với chi phí của các dự án, công trình đang tiếp tục thực hiện.

3. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước tăng

62.942.845 đ

3.1. Thuế giá trị gia tăng, tăng:

11.960.000 đ

Do Công ty chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra đối với chi phí quà tặng khách hàng, người lao động theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

50.942.885 đ

3.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng:

Do kết quả kinh doanh thay đổi (Chi tiết tại biểu thuế).

4. Lợi nhuận sau thuế tăng do:

826.612.193 đ

- Tăng Lợi nhuận sau thuế, giảm Quỹ tiền thưởng của người quản lý, do đơn vị trích thừa theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV.

683.015.625 đ

- Tăng do kết quả kinh doanh thay đổi

143.596.568 đ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI NGÀY 31/12/2017
TẠI CÔNG TY CP BẾN XE MIỀN TÂY

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	127.579.402.187	127.579.402.187	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	127.579.402.187	127.579.402.187	0
4. Giá vốn hàng bán	11	54.534.615.784	54.340.036.371	(194.579.413)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	73.044.786.403	73.239.365.816	194.579.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12.282.574.420	12.282.574.420	0
7. Chi phí tài chính	22	0	0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	24	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	12.271.859.320	12.271.859.320	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30	73.055.501.503	73.250.080.916	194.579.413
11. Thu nhập khác	31	3.738.609.197	3.738.609.197	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	3.738.609.197	3.738.609.197	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40)	60	76.794.110.700	76.988.690.113	194.579.413
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	15.617.445.627	15.668.428.471	50.982.845
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (70 = 60 - 61)	70	61.176.665.073	62.003.277.266	826.612.193

(*) Nguyên nhân chênh lệch

1. Giá vốn hàng bán giảm do:

194.579.413đ

*** Tăng:**

11.960.000đ

- Tăng Chi phí quà tặng chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

*** Giảm:**

206.539.413đ

- Giảm giá vốn hàng bán, tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang, do Công ty ghi nhận vào chi phí trong kỳ đối với chi phí của các dự án, công trình đang tiếp tục thực hiện.

123.636.363 đ

- Giảm giá vốn hàng bán do phân bổ lại các chi phí sửa chữa trong kỳ.

82.903.050 đ

2. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng do:	826.612.193 đ
- Tăng Lợi nhuận sau thuế, giảm Quỹ tiền thưởng của người quản lý, do đơn vị trích thừa theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV.	683.015.625 đ
- Tăng do kết quả SXKD thay đổi.	143.596.568 đ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI NGÀY 31/12/2017

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	3.401.867.040	3.401.867.040	0
1. Thuế thu nhập cá nhân	3.401.867.040	3.401.867.040	0
II. Các khoản phải nộp khác			
Tổng cộng =I+II	3.401.867.040	3.401.867.040	0

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	4.337.896.602	4.400.839.447	62.942.845
1. Thuế GTGT	749.051.792	761.011.792	11.960.000
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.588.844.810	3.639.827.655	50.982.845
3. Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
3. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	4.337.896.602	4.400.839.447	62.942.845

(*) Nguyên nhân chênh lệch

1. Thuế giá trị gia tăng, tăng

11.960.000 đ

- Do Công ty chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra đối với chi phí quà tặng khách hàng, người lao động theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng

50.982.845 đ

- Do giá vốn hàng bán giảm 194.579.413 đồng (giải thích tại BCKQ kinh doanh).

38.915.883 đ

- Loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN đối với các khoản chi phí lập qui hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Bến xe Miền Tây, do dự án không tiếp tục thực hiện 60.334.811 đồng.

12.066.962 đ

**CHI TIẾT CÁC PHÁT HIỆN SAI SÓT VỀ THU NSNN NĂM 2017
TẠI CÔNG TY CP BẾN XE MIỀN TÂY***Đơn vị tính: đồng*

ST T	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0301121128	62.942.845		
1	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		50.982.845	Do thay đổi kết quả kinh doanh qua kiểm toán.	
2	Thuế Giá trị gia tăng		11.960.000	Do chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với hàng hóa dùng làm quà tặng người lao động và khách hàng.	

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IV



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2017 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Thực hiện Quyết định số 1407/QĐKTNN ngày 20/6/2018 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV (sau đây viết tắt là Tổng công ty Samco), Tổ kiểm toán số 01 thuộc Đoàn kiểm toán nhà nước tại Tổng công ty Samco của Kiểm toán nhà nước khu vực IV, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (Công ty) từ ngày 06/7/2018 đến ngày 13/7/2018;

Hôm nay, ngày 20 tháng 07 năm 2018, tại Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây, chúng tôi gồm:

A. Tổ kiểm toán tại Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

1. Bà Đỗ Thị Nhung - Kiểm toán viên chính, Tổ trưởng;
Số hiệu thẻ KTVNN: B 0283.
2. Bà Ngô Thu Loan - Kiểm toán viên, Thành viên;
Số hiệu thẻ KTVNN: C 0706.
3. Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm toán viên, Thành viên;
Số hiệu thẻ KTVNN: C 0347.
4. Bà Hoàng Thị Hồng Vân - Kiểm toán viên, Thành viên;
Số hiệu thẻ KTVNN: C 0709.

B. Đại diện Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Thừa - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
2. Họ và tên: Nguyễn Văn Thành - Chức vụ: Kế toán trưởng.

Cùng nhau thống nhất lập Biên bản kiểm toán, làm căn cứ pháp lý để lập Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán như sau:

1. Nội dung kiểm toán

- Kiểm toán Báo cáo tài chính (tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước...).
- Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính – kế toán, quản lý đầu tư xây dựng,

mua sắm tài sản, hàng hóa; việc thực hiện Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

Năm tài chính được kiểm toán: Năm 2017 và các thời kỳ trước, sau có liên quan của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây.

Đơn vị được kiểm toán: Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây.

2.2. Giới hạn kiểm toán

Do điều kiện giới hạn về thời gian, nhân lực kiểm toán, thời gian kiểm toán không trùng khớp với thời gian thực hiện công tác kiểm kê, đối chiếu của Công ty nên Tổ kiểm toán xác định giới hạn như sau: Tổ kiểm toán không chứng kiến việc kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho, sản phẩm dở dang tại thời điểm 31/12/2017; không tổ chức đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải thu, nợ phải trả; không thực hiện xác minh, đối chiếu chứng từ và hóa đơn đầu vào, đầu ra đơn vị đã kê khai khấu trừ và đã hạch toán trong năm 2017; không kiểm toán số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính năm 2017, chỉ thực hiện đối chiếu số dư ngày 31/12/2016 chuyển sang ngày 01/01/2017; không kiểm toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ; không kiểm toán vốn đầu tư xây dựng của các dự án XDCB, không kiểm toán giá trị đầu tư hoàn thành trong kỳ, chỉ kiểm toán việc tuân thủ chế độ, chính sách kế toán đối với các khoản mục chi phí XDCB dở dang; không tiến hành đo đạc và quan sát thực tế diện tích các khu đất đơn vị đang được giao quản lý và sử dụng, chỉ ghi nhận thực trạng số liệu theo báo cáo của đơn vị. Tổ Kiểm toán thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn và chứng từ do đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm toán. Đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Tổ kiểm toán.

3. Căn cứ kiểm toán

Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các Bằng chứng kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam lập ngày 07/3/2018 và các tài liệu có liên quan.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	263.095.326.047	263.095.326.047	0
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10.068.650.056	10.068.650.056	0
1. Tiền	111	10.068.650.056	10.068.650.056	0
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	212.200.000.000	212.200.000.000	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	212.200.000.000	212.200.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	37.294.053.051	37.294.053.051	0
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	4.865.800.451	4.865.800.451	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	402.683.584	402.683.584	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	30.000.000.000	30.000.000.000	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.025.569.016	2.025.569.016	0
IV. Hàng tồn kho	140	38.649.600	38.649.600	0
1. Hàng tồn kho	141	38.649.600	38.649.600	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.493.973.340	3.493.973.340	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	92.106.300	92.106.300	0
3. Thuê và các khoản phải thu nhà nước	153	3.401.867.040	3.401.867.040	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	20.193.389.335	20.399.928.748	206.539.413
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0	0
II. Tài sản cố định	220	15.645.646.024	15.645.646.024	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15.484.846.024	15.484.846.024	0
- Nguyên giá	222	59.511.726.729	59.511.726.729	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(44.026.880.705)	(44.026.880.705)	0
2. Tài sản cố định vô hình	227	160.800.000	160.800.000	0
- Nguyên giá	228	2.902.189.390	2.902.189.390	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(2.741.389.390)	(2.741.389.390)	0
III. Bất động sản đầu tư	230	0	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	4.400.423.031	4.524.059.394	123.636.363
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.400.423.031	4.524.059.394	123.636.363
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	0	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260	147.320.280	230.223.330	82.903.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	147.320.280	230.223.330	82.903.050
CỘNG TÀI SẢN	270	283.288.715.382	283.495.254.795	206.539.413
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	42.557.418.813	41.937.346.033	(620.072.780)
I. Nợ ngắn hạn	310	38.286.323.616	37.666.250.836	(620.072.780)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	63.000.258	63.000.258	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19.217.278	19.217.278	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	4.337.896.602	4.400.839.447	

nước				62.942.845
4. Phải trả người lao động	314	19.661.029.093	19.661.029.093	0
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	84.464.257	84.464.257	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.235.564.150	6.235.564.150	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	7.885.151.978	7.202.136.353	(683.015.625)
II. Nợ dài hạn	330	4.271.095.197	4.271.095.197	0
12. Phải trả dài hạn khác	337	3.471.095.197	3.471.095.197	
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	800.000.000	800.000.000	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	240.731.296.569	241.557.908.762	826.612.193
I. Vốn chủ sở hữu	410	240.731.296.569	241.557.908.762	826.612.193
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25.000.000.000	25.000.000.000	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	73.047.645.702	73.047.645.702	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	142.683.650.867	143.510.263.060	0
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	110.131.942.449	110.131.942.449	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	32.551.708.418	33.378.320.611	826.612.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0	0
CỘNG NGUỒN VỐN	440	283.288.715.382	283.495.254.795	206.539.413

1. Chi phí trả trước tăng

82.903.050 đ

Chi phí trả trước tăng, do phân bổ lại các chi phí sửa chữa trong kỳ.

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng

123.636.363đ

Giảm giá vốn hàng bán, tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang, do Công ty ghi nhận vào chi phí trong kỳ đối với chi phí của các dự án, công trình đang tiếp tục thực hiện.

3. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước tăng

62.942.845 đ

3.1. Thuế giá trị gia tăng, tăng:

11.960.000 đ

Do Công ty chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra đối với chi phí quà tặng khách hàng, người lao động theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

50.942.885 đ

3.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng:

Do kết quả kinh doanh thay đổi (Chi tiết tại biểu thuế).

4. Lợi nhuận sau thuế tăng do:

826.612.193 đ

- Tăng Lợi nhuận sau thuế, giảm Quỹ tiền thưởng của người quản lý, do đơn vị trích thừa theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV.

683.015.625 đ

- Tăng do kết quả kinh doanh thay đổi

143.596.568 đ

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	127.579.402.187	127.579.402.187	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	127.579.402.187	127.579.402.187	0
4. Giá vốn hàng bán	11	54.534.615.784	54.340.036.371	(194.579.413)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	73.044.786.403	73.239.365.816	194.579.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12.282.574.420	12.282.574.420	0
7. Chi phí tài chính	22	0	0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	24	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	12.271.859.320	12.271.859.320	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30	73.055.501.503	73.250.080.916	194.579.413
11. Thu nhập khác	31	3.738.609.197	3.738.609.197	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	3.738.609.197	3.738.609.197	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40)	60	76.794.110.700	76.988.690.113	194.579.413
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	15.617.445.627	15.668.428.471	50.982.845
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (70 = 60 - 61)	70	61.176.665.073	62.003.277.266	826.612.193

(*) Nguyên nhân chênh lệch

1. Giá vốn hàng bán giảm do:

194.579.413đ

* Tăng:

11.960.000đ

- Tăng Chi phí quà tặng chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

* Giảm:

206.539.413đ

- Giảm giá vốn hàng bán, tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang, do Công ty ghi nhận vào chi phí trong kỳ đối với chi phí của các dự án, công trình đang tiếp tục thực hiện. 123.636.363 đ

- Giảm giá vốn hàng bán do phân bổ lại các chi phí sửa chữa trong kỳ. 82.903.050 đ

- 2. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng do:** 826.612.193 đ
- Tăng Lợi nhuận sau thuế, giảm Quỹ tiền thưởng của người quản lý, do đơn vị trích thừa theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV. 683.015.625 đ
 - Tăng do kết quả SXKD thay đổi. 143.596.568 đ

3. Thuế và các khoản nộp NSNN đến 31/12/2017

a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	3.401.867.040	3.401.867.040	0
1. Thuế thu nhập cá nhân	3.401.867.040	3.401.867.040	0
II. Các khoản phải nộp khác			
Tổng cộng =I+II	3.401.867.040	3.401.867.040	0

b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	4.337.896.602	4.400.839.447	62.942.845
1. Thuế GTGT	749.051.792	761.011.792	11.960.000
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.588.844.810	3.639.827.655	50.982.845
3. Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
3. Các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	4.337.896.602	4.400.839.447	62.942.845

(*) Nguyên nhân chênh lệch

- 1. Thuế giá trị gia tăng, tăng** 11.960.000 đ
- Do Công ty chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra đối với chi phí quà tặng khách hàng, người lao động theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.
- 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng** 50.982.845 đ
- Do giá vốn hàng bán giảm 194.579.413 đồng (giải thích tại BCKQ kinh doanh). 38.915.883 đ
 - Loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN đối với các khoản chi phí lập qui hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Bến xe Miền Tây, do dự án không tiếp tục thực hiện 60.334.811 đồng. 12.066.962 đ
- 4. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính**

Xét trên khía cạnh trọng yếu, trong phạm vi và giới hạn kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ Phần Bến xe Miền Tây lập ngày 07/3/2018, sau khi điều chỉnh theo kết quả kiểm toán đã phản ánh trung thực tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2017.

II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Quản lý tài chính, kế toán

- Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03/5/2006 và được thay đổi lần thứ 3 vào ngày 26/6/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 25.000.000.000 đồng, tương đương 2.500.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công tác quản lý tài chính, kế toán được Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Các quy định về thuế, chuẩn mực kế toán và các văn bản quản lý nhà nước có liên quan; Các quy chế quản lý nội bộ do Công ty xây dựng, ban hành và thực hiện.

Năm 2017, công tác quản lý tài chính của Công ty được đánh giá qua một số nội dung cơ bản sau:

1.1. Quản lý tài sản

a) Quản lý Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tại ngày 31/12/2017 là 10.689 triệu đồng. Đơn vị tổ chức quản lý, theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn theo qui định. Định kỳ và cuối năm, tiền mặt được kiểm kê, số dư tiền gửi tại các ngân hàng được đối chiếu, xác nhận đầy đủ và khớp đúng với số dư trên Báo cáo tài chính.

b, Quản lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Tại ngày 31/12/2017 là 212.200 triệu đồng, là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất từ 5,3% - 6,4%/năm.

c) Quản lý các khoản phải thu ngắn hạn:

Đơn vị có xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nợ phải thu, phải trả, có mở sổ chi tiết theo dõi cho từng đối tượng nợ, không phát sinh nợ phải thu khó đòi phải trích lập dự phòng, cuối năm thực hiện đối chiếu công nợ theo quy định. Tổng các khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là 37.294 triệu đồng, trong đó:

+ Phải thu khách hàng 4.866 triệu đồng, chủ yếu là phải thu của các cá nhân, doanh nghiệp cho thuê mặt bằng, kho bãi và sử dụng các dịch vụ vận tải,..., gồm: Công ty CP Xe khách Phương Trang Futauslines 3.358 triệu đồng, Công ty TNHH

Vận tải Kumho Samco Busline 158 triệu đồng, Các khách hàng khác 1.350 triệu đồng.. Cuối năm có đối chiếu, xác nhận nợ, tỷ lệ đối chiếu 99,3%.

+ Trả trước cho người bán 403 triệu đồng, chủ yếu là trả trước các khoản chi phí khảo sát, thiết kế, tư vấn,... gồm: Công ty TNHH Khảo sát thiết kế tư vấn Sài Gòn 101 triệu đồng, Công ty TNHH ĐTPT XD Châu Á Thái Bình Dương 125 triệu đồng, Công ty CP TVĐT Thiết kế Công nghiệp và Dân Dụng 100 triệu đồng, Các nhà cung cấp khác 77 triệu đồng. Cuối năm có đối chiếu, xác nhận nợ, tỷ lệ đối chiếu 99,3%.

+ Phải thu về cho vay ngắn hạn 30.000 triệu đồng, là khoản cho Công ty mẹ - Tổng công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn TNHH MTV vay theo Hợp đồng vay vốn số 14/HĐVV-SC ngày 28 tháng 04 năm 2017 với lãi suất cho vay 6,2%/năm.

+ Phải thu ngắn hạn khác 2.025 triệu đồng, chủ yếu là phải thu lãi vay của Công ty mẹ - Tổng công ty Samco 160 triệu đồng, thuế TNCN 1.338 triệu đồng và các khoản tạm ứng (chi phí công tác, vật dụng văn phòng) 527 triệu đồng của CBCNV công ty. Cuối năm có đối chiếu, xác nhận nợ, tỷ lệ đối chiếu 100%.

d) Quản lý Hàng tồn kho:

Tại ngày 31/12/2017 là 39 triệu đồng, chủ yếu là công cụ dụng cụ, hàng hóa (nước uống đóng chai phục vụ hành khách, các loại vé ra vào cổng, giấy xác nhận xe vào bến, vé giữ xe gắn máy,...). Đơn vị mở sổ theo dõi chi tiết hàng tồn kho, hạch toán nhập, xuất hàng tồn kho theo giá bình quân gia quyền, cuối năm kiểm kê hàng tồn kho theo quy định.

e, Quản lý Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác:

Tại ngày 31/12/2017 là 3.724 triệu đồng, trong đó:

+ Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn 239 triệu đồng, chủ yếu là chi phí sửa chữa cổng, hàng rào, dặm vá đường nội bộ, thay mới mái hiên, máy tính xách tay,.. Qua kiểm tra, xác định chi phí trả trước tăng 82.903.050 đồng, do phân bổ lại chi phí sửa chữa Kiốt 59.876.475 đồng và chi phí sửa chữa Máy biến thế 23.026.575 đồng.

+ Thuế và các khoản phải thu nhà nước 3.402 triệu đồng, là khoản thuế TNCN của CBCNV nộp thừa.

f) Quản lý Tài sản cố định:

Đơn vị áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính để quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2017 là 59.512 triệu đồng, chủ yếu là Nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng. Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2017 là 44.027 triệu đồng. Nguyên giá TSCĐ vô hình tại 31/12/2017 là 2.902 triệu đồng, chủ yếu là tiền đền bù GPMB Bến xe Miền Tây, giá trị thương hiệu bến xe Miền Tây, phần mềm quản lý bến xe, hệ thống chất lượng ISO. Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình tại ngày

31/12/2017 là 2.741 triệu đồng. TSCĐ tăng trong năm là 3.330 triệu đồng, trong đó: Cải tạo, sửa chữa Nhà để xe, quây vế, mái hiên, ki ốt, di dời khung nhà thép, hệ thống nước thải 1.871 triệu đồng; Hệ thống chữa cháy, thiết bị chặn bánh xe 02 bánh 232 triệu đồng; Xe ô tô Toyota Fortuner 1.170 triệu đồng; Máy tra cứu thông tin tự động 57 triệu đồng; TSCĐ giảm trong năm là 1.317 triệu đồng, trong đó: Thanh lý 02 xe Toyota 1.009 triệu đồng, thanh lý nhà chờ và ki ốt 308 triệu đồng. Qua kiểm tra, nhận thấy đơn vị hạch toán tăng giảm TSCĐ có đầy đủ hồ sơ theo qui định (đối với công trình xây dựng có xây dựng dự toán công trình trước khi xây dựng, có biên bản nghiệm thu đưa khi đưa vào sử dụng và được Hội đồng quản trị phê duyệt giá trị công trình; đối với TSCĐ mua sắm có báo giá, có hợp đồng, hóa đơn,...; khi thanh lý TSCĐ có thành lập hội đồng thanh lý, có đăng báo, ...). Cuối năm có thực hiện kiểm kê TSCĐ theo qui định.

g) Quản lý Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Tại ngày 31/12/2017 là 4.524 triệu đồng, bao gồm: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải 1.769 triệu đồng; Cải tạo sửa chữa mặt bằng khu vực bãi trả khách và khu vực xử lý nước thải 835 triệu đồng; Cải tạo khu vực mặt tiền Bến xe Miền Tây 1.796 triệu đồng. Trong năm đơn vị thực hiện một số dự án xây dựng cơ bản như: Công trình Cải tạo khu vực mặt tiền Bến xe Miền Tây 1.796 triệu đồng, Công trình Cải tạo sửa chữa mặt bằng khu vực bãi trả khách và khu vực xử lý nước thải 835 triệu đồng; Công trình sửa chữa nhỏ lẻ khác 996 triệu đồng. Qua kiểm tra cho thấy, khi thực hiện các công trình đều được Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương, lập dự toán, lên kế hoạch đấu thầu (các gói thầu xây lắp trên 01 tỷ đồng được thực hiện theo hình thức đấu thầu, các gói thầu tư vấn hay xây lắp có giá trị nhỏ được chỉ định thầu), ký hợp đồng với các nhà thầu, tổ chức nghiệm thu khối lượng làm cơ sở thanh toán và hạch toán chi phí đầy đủ, hóa đơn, chứng từ phù hợp. Đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành, được ghi tăng tài sản cố định, bàn giao đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, qua kiểm tra xác định chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 123.636.363 đồng, do công ty ghi nhận vào chi phí trong kỳ đối với một số khoản chi phí của các công trình đang tiếp tục thực hiện như: Chi phí tư vấn lập đề xuất dự án “Xây dựng Bến xe Miền Tây mới” 90.909.091 đồng, chi phí khoan khảo sát địa kỹ thuật công trình “Mở rộng nhà xe 02 bánh” 16.363.636 đồng và công trình cải tạo “Khu nhà xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc” 16.363.636 đồng.

1.2. Quản lý nguồn vốn:

a) Quản lý nợ ngắn hạn: Tại ngày 31/12/2017 là 37.666 triệu đồng, bao gồm:

+ Phải trả người bán 63 triệu đồng, chủ yếu là các khoản trả trước tiền thi công, sửa chữa các công trình phát sinh trong năm. Cuối năm có đối chiếu công nợ đầy đủ, tỷ lệ đối chiếu 100%.

+ Người mua trả tiền trước 19 triệu đồng, chủ yếu là các khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, kho bãi và sử dụng các dịch vụ vận tải. Cuối năm có đối chiếu công nợ đầy đủ, tỷ lệ đối chiếu 100%.

Đơn vị hạch toán, quản lý và theo dõi các khoản phải trả cho người bán và người trả tiền trước theo từng đối tượng, cuối năm có thực hiện đối chiếu, xác nhận nợ đầy đủ, không phát sinh các khoản nợ quá hạn thanh toán.

+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 4.401 triệu đồng, gồm: Thuế GTGT 749 triệu đồng, Thuế TNDN 3.589 triệu đồng. Qua kiểm tra xác định, các khoản thuế phải nộp Nhà nước tăng 62.942.845 đồng, trong đó: Thuế GTGT tăng 11.960.000 đồng do đơn vị chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra đối với chi phí mua quà tặng khách hàng và người lao động theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính; Thuế TNDN tăng 50.982.845 đồng do kết quả kiểm toán thay đổi (giải thích tại biểu thuế).

+ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn 84 triệu đồng, chủ yếu là doanh thu cho thuê bảng hiệu quảng cáo.

+ Phải trả ngắn hạn khác 6.235 triệu đồng, chủ yếu là phải trả cổ tức cho các cổ đông 5.000 triệu đồng (đã thanh toán hết cho các cổ đông trong tháng 06/2018), phải trả các doanh nghiệp vận tải tiền ủy thác bán vé 1.207 triệu đồng (đã thanh toán trong tháng 01/2018), phải trả kinh phí công đoàn 28 triệu đồng. Cuối năm có đối chiếu công nợ, công nợ được đối chiếu và có bằng chứng đối chiếu đạt tỉ lệ 100%.

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi 7.202 triệu đồng. Đơn vị trích lập quỹ khen thưởng cho người lao động và Ban điều hành theo Nghị quyết ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, theo đó Quỹ khen thưởng là 5.171 triệu đồng; Quỹ phúc lợi 5.171 triệu đồng; Quỹ thưởng Ban điều hành 1.047 triệu đồng. Công ty thực hiện chi cho người lao động từ quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định tại Quy chế trả lương, thưởng tại Quyết định số 309/QĐ-BXMT ngày 31/12/2015 của Công ty. Qua kiểm tra, xác định Quỹ tiền thưởng của người quản lý giảm 683.015.625 đồng (đơn vị đã trích 1.047.290.625 đồng, được trích 364.275.000 đồng), do đơn vị trích thừa theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV.

b) Quản lý nợ dài hạn:

+ Phải trả dài hạn khác 3.471 triệu đồng, chủ yếu là nhận ký quỹ dài hạn của các doanh nghiệp vận tải.

+ Quỹ phát triển khoa học công nghệ 800 triệu đồng. Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập bắt đầu từ năm 2014 và chưa phát sinh việc chi tiêu, sử dụng quỹ.

c) Quản lý tiền lương và các khoản phải trả người lao động:

Công ty là doanh nghiệp cổ phần, có phần vốn của Nhà nước trên 51%, thuộc đối tượng quản lý lao động, tiền lương theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016. Qua kiểm tra cho thấy Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, xác định quỹ tiền lương thực hiện và chi trả tiền lương cho người lao động trong năm phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016, cụ thể:

(*) Xây dựng kế hoạch tiền lương 2017:

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, quỹ tiền lương thực hiện năm 2016, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017, trình Hội đồng thành viên của Tổng công ty và đã được phê duyệt theo Nghị quyết 43/NQ-HĐTV ngày 11/5/2017, theo đó: (i) Quỹ lương kế hoạch năm 2017 của người lao động là 36.601 triệu đồng; tiền lương bình quân của người lao động là 16,7 triệu đồng, đảm bảo mức tiền lương bình quân kế hoạch tăng không vượt quá mức tăng năng suất lao động bình quân; (ii) Quỹ lương kế hoạch năm 2017 của người quản lý chuyên trách 2.592 triệu đồng; tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách là 54 triệu đồng/tháng; (iii) Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách 1.036,8 triệu đồng, đảm bảo không vượt 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

(*) Quỹ lương thực hiện năm 2017

Căn cứ các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh thực tế năm 2017, Công ty xác định quỹ lương thực hiện năm 2017 và đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty thông qua theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018, theo đó quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là 38.700 triệu đồng; mức tiền lương bình quân của người lao động là 17,723 triệu đồng/người/tháng; Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách 2.914 triệu đồng, mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách 60,71 triệu đồng; Thù lao của người quản lý không chuyên trách 1.092,8 triệu đồng.

(*) Về chi trả lương năm 2017

Công ty ban hành quy chế trả lương trả thưởng theo QĐ số 309/QC-BXMT ngày 31/12/2015 theo đó, Công ty thực hiện tính lương cho người lao động theo thang lương, bảng lương, các hệ số phụ cấp người lao động được hưởng ... Hồ sơ chứng từ chi trả lương đầy đủ, phù hợp với quy chế của Công ty. Số dư quỹ tiền lương năm 2017 đã được chi trả hết trong Quý 1/2018.

d) Quản lý vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 là 242 triệu đồng, gồm: Vốn đầu tư của chủ sở hữu 25.000 triệu đồng, Quỹ đầu tư phát triển 73.048 triệu đồng và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 143.510 triệu đồng. Công ty thực hiện quản lý và sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của công ty.

Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển bằng 20% lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị Quyết ngày 26/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây.

1.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

a) *Quản lý doanh thu, thu nhập*: Tổng doanh thu, thu nhập năm 2017 là 143.601 triệu đồng, gồm:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 127.579 triệu đồng, bao gồm: Doanh thu dịch vụ xe ra vào bến 70.938 triệu đồng; doanh thu cho thuê mặt bằng, kiốt 24.551 triệu đồng; doanh thu các dịch vụ khác 32.090 triệu đồng. Qua kiểm tra nhận thấy: Đối với doanh thu dịch vụ xe ra vào bến, Công ty ký hợp đồng với các hãng xe, phòng Điều hành theo dõi lượng xe ra vào bến hàng ngày, cuối kỳ đối chiếu xác nhận với các hãng xe làm cơ sở ghi nhận doanh thu; Đối với doanh thu hoa hồng bán vé, Công ty ký hợp đồng với các hãng xe thỏa thuận mức thu hoa hồng bán vé là 5% trên tổng giá trị vé bán ra; Đối với doanh thu cho thuê mặt bằng, bến bãi, kiốt được ghi nhận theo quy định của Hợp đồng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính 12.283 triệu đồng, chủ yếu là lãi thu từ khoản tiền cho Công ty mẹ vay và lãi thu từ tiền gửi ngân hàng. Công ty theo dõi, ghi nhận đầy đủ.

+ Thu nhập khác 3.739 triệu đồng, chủ yếu là thu từ việc thanh lý tài sản (xe ô tô), phế liệu, công cụ dụng cụ, dịch vụ điện, nước, tiền thừa khi thanh toán cho khách hàng... Qua kiểm tra đơn vị theo dõi và hạch toán theo quy định.

b) Quản lý chi phí

Tổng chi phí kinh doanh trong kỳ 66.612 triệu đồng, bao gồm: Giá vốn hàng bán 54.340 triệu đồng; Chi phí quản lý doanh nghiệp 12.272 triệu đồng. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý tài chính và các quy chế nội bộ khác để quản lý và ghi nhận các khoản chi phí. Tuy nhiên, còn một số tồn tại như sau:

- Công ty hạch toán vào chi phí trong kỳ các khoản chi phí tư vấn, lập đo đạc lập bản vẽ hiện trạng theo quy hoạch chi tiết xây dựng bến xe hiện hữu 1/500 theo Hợp đồng số 02/2012/HĐ-BIC ngày 04/01/2012, tuy nhiên dự án không thể tiếp tục thực hiện do quy hoạch không đáp ứng được hạ tầng xã hội như nhà trẻ, cây xanh, chợ... nên quy hoạch không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Qua kiểm tra loại trừ chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN các khoản chi phí (lập qui hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Bến xe Miền Tây theo Hợp đồng 02/2012/HĐ-BCI ngày 04/01/2012) không tương ứng với doanh thu trong kỳ theo Khoản 2, Điều 6 Thông tư 78/TT-BCT ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, số tiền 60.334.811 đồng.

- Công ty hạch toán vào giá vốn hàng bán chi phí XD CB dở dang của một số dự án đang tiếp tục thực hiện như: Công trình cải tạo Khu nhà để xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc theo QĐ số 39/QĐ-BXMT ngày 04/01/2017; Công trình mở rộng Nhà xe 2 bánh theo QĐ số 52/QĐ-BXMT ngày 10/04/2017; Chi phí tư vấn lập đề xuất dự án Xây dựng Bến xe Miền Tây mới theo

HĐ số 90/HĐTV-UTCV ngày 04/05/2017, do đó điều chỉnh tăng chi phí XD CB dở dang, giảm chi phí trong kỳ, tổng số tiền 123.636.363 đồng.

- Công ty phân bổ các chi phí sửa chữa Máy biến thế, Kiốt với thời gian chưa phù hợp, do đó điều chỉnh giảm chi phí 82.903.050 đồng.

c) Quản lý kết quả và phân phối kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 theo Báo cáo kết quả kinh doanh 61.176 triệu đồng; Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây, theo đó: Trích Quỹ khen thưởng 5.171 triệu đồng; Quỹ phúc lợi 5.171 triệu đồng; Quỹ thưởng Ban điều hành 1.047 triệu đồng; Quỹ đầu tư phát triển 12.235 triệu đồng; Trích chia cổ tức 20% trên vốn điều lệ 5.000 triệu đồng. Qua kiểm tra xác định Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 826.612.193 đồng, do kết quả kiểm toán thay đổi.

1.3. Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN

- Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán, xác định số phải nộp và nộp các loại thuế vào NSNN cơ bản theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra xác định thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 62.942.845 đồng, trong đó: Thuế TNDN tăng 50.982.845 đồng, Thuế GTGT tăng 11.960.000 đồng.

- Tình hình thực hiện kê khai, nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN như sau:

+ Thuế Giá trị gia tăng: Số phải nộp đầu kỳ 878 triệu đồng, thuế GTGT phải nộp trong kỳ 11.745 triệu đồng, số đã nộp trong kỳ 11.874 triệu đồng, số còn phải nộp cuối kỳ 749 triệu đồng. Công ty xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT cơ bản đầy đủ. Tuy nhiên, qua kiểm tra nhận thấy Công ty chưa xuất hóa đơn, kê khai thuế GTGT đầu ra đối với chi phí quà tặng khách hàng và người lao động theo qui định tại Khoản 7 và Khoản 9, Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

+ Thuế Thu nhập cá nhân: Số phải nộp đầu kỳ -1.971 triệu đồng, số phải nộp trong kỳ 1.547 triệu đồng, số đã nộp trong kỳ 2.979 triệu đồng, số còn phải nộp cuối kỳ -3.402 triệu đồng. Công ty thực hiện kê khai tổng thu nhập của người lao động, tính và khấu trừ thuế TNCN của người lao động theo thuế suất lũy tiến từng phần; kê khai khấu trừ thuế TNCN 10% đối với cá nhân ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng và có tổng thu nhập trong năm trên 02 triệu đồng. Cuối năm, tổng hợp thu nhập cả năm và kê khai quyết toán thuế TNCN năm 2017 với cơ quan thuế cho người lao động đầy đủ.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Số phải nộp đầu kỳ là 3.369 triệu đồng; thuế TNDN phải nộp trong kỳ là 15.617 triệu đồng; số đã nộp trong kỳ 15.397 triệu đồng; Số còn phải nộp cuối kỳ 3.589 triệu đồng. Công ty kê khai, nộp thuế TNDN 20% trên lợi nhuận kế toán trước thuế và có loại trừ một số khoản chi phí không

hợp lý theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra xác định thuế TNDN tăng 50.982.845 đồng.

1.4. Công tác kế toán

- Chứng từ kế toán: Thực hiện việc lập, ghi chép, tập hợp và lưu trữ các loại chứng từ kế toán theo quy định.

- Hạch toán kế toán: Công ty đã áp dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, còn hạch toán chưa đúng một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh như Tổ kiểm toán đã điều chỉnh trên.

- Sổ kế toán: Sử dụng chương trình kế toán trên máy vi tính để lập và ghi sổ kế toán, có mở sổ kế toán tổng hợp và chi tiết đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin cho công tác quản lý. Cuối năm thực hiện khóa sổ kế toán, in và ký sổ kế toán theo qui định.

- Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2017 thực hiện đúng quy định theo Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Về quản lý, sử dụng đất

Công ty đang quản lý và sử dụng Khu đất tại 395 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 03/5/2007 của UBND TP.HCM cho Công ty CP Bến xe Miền Tây thuê đất và Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 31/8/2007 điều chỉnh QĐ số 1991/QĐ-UBND với mục đích sử dụng làm bến xe và dịch vụ bến xe, diện tích đất được giao là 47.392,4 m² với thời hạn cho thuê 50 năm kể từ ngày 11/1/2002 đối với diện tích 46.226,4 m²; đối với diện tích 1.166 m² thuộc lộ giới giao thông được tạm thời sử dụng đến khi Nhà nước có quy hoạch.

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 5863/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 13/8/2009, với giá thuê 69.000đ/m²/năm, thời gian ổn định 5 năm kể từ ngày Quyết định số 107/2006/QĐ-UBND ngày 17/7/2006 của UBND TP. HCM có hiệu lực thi hành; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 3697/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 04/6/2014 điều chỉnh Hợp đồng số 5863/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ, trong đó điều chỉnh đơn giá thuê đất từ ngày 03/5/2011- 02/5/2016 là 191.520 đồng/m²/năm. Đơn giá thuê đất từ ngày 03/5/2016 đến ngày 02/05/2021 đã được điều chỉnh theo Thông báo số 16400/TB-CT ngày 08/12/2016 của Cục thuế TP.HCM.

Ngày 20/12/16 Cục thuế TP.HCM có Quyết định số 5696/QĐ-CT Về việc miễn tiền thuê đất xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe cho Công ty CP Bến xe Miền Tây. Theo đó, Công ty CP Bến xe Miền Tây được miễn tiền thuê đất thuộc trường hợp xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe theo Khoản 1, Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ với diện tích được miễn tiền thuê đất là 45.156 m² (trong đó, diện tích văn phòng làm việc là

1.062,1 m2); Thời gian miễn tiền thuê đất từ 03/5/2016 - 10/1/2052; Số tiền được miễn 151.608.506.400 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy Công ty sử dụng đất đúng mục đích được giao, thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ.

3. Việc thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

Tổng công ty đã ban hành Quy chế số 13/QC-SC ngày 12/10/2016 về Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp.

Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty đã thực hiện lập Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng, cả năm (Báo cáo số 174/BC-BXMT ngày 20/7/2017 và Báo cáo số 28/BC-BXMT ngày 06/3/2018) để báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc quản lý tài sản và vốn nhà nước tại doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu tài chính trong năm và các hoạt động đầu tư, huy động vốn... của công ty. Báo cáo giám sát được kịp thời gửi về cho Tổng công ty để báo cáo tình hình hoạt động của Công ty. Thực hiện gửi văn bản thỉnh thị nội dung biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông tới Tổng công ty.

Người đại diện vốn đã thực hiện đầy đủ theo Quy chế giám sát tài chính của Tổng công ty ban hành và theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính; Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

4. Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty

Tổng công ty có cử Người đại diện vốn tham gia vào Hội đồng quản trị để giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư. Định kỳ, Người đại diện đã lập Báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính, như: Thông tin chung về doanh nghiệp; thông tin về người đại diện; việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn; việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Về thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ngày 05/03/2017 Công ty lập báo cáo về tình hình thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ gửi về Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV. Theo Báo cáo Công ty đã xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí quản lý trong năm 2017, cụ thể: Kế hoạch tiết kiệm chi phí quản lý gồm điện, nước, nhiên liệu, công cụ dụng cụ, công tác, tiếp khách, hội nghị, chi phí đào tạo, chi phí

sửa chữa, văn phòng phẩm và chi phí khác là 1.704 triệu đồng, thực hiện 1.592 triệu đồng, đạt 93% so kế hoạch.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Hiệu quả kinh doanh năm 2017 của Công ty

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 là 127.579 triệu đồng, bằng 107% so với số thực hiện năm 2016. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 là 76.989 triệu đồng, bằng 109,63% so với thực hiện năm 2016.

- Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quản lý sử dụng tài sản, vốn nhà nước của Công ty thông qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

* Nhóm tỷ suất khả năng sinh lời

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu: 53,61%

+ Tổng lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu: 31,87%

+ Tổng lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 27,16%

* Nhóm tỷ suất khả năng thanh toán:

+ Hệ số nợ (Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản): 0,15 lần

+ Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả): 6,76 lần,

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ngày 31/12/2017 (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): 6,99 lần

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 0,17 lần

* Hệ số bảo toàn vốn (H) = (Vốn CSH cuối kỳ/Vốn CSH đầu kỳ) = 1,23 lần.
Công ty kinh doanh bảo toàn được vốn.

Qua các chỉ tiêu và chỉ số nêu trên cho thấy, kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty tăng so với năm trước và đạt vượt mức kế hoạch đề ra, duy trì tiền lương và thu nhập cho người lao động, bảo toàn được vốn nhà nước, khả năng thanh toán các khoản nợ được đảm bảo.

PHẦN THỨ HAI

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

1.1. Thực hiện điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo kết quả kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán.

1.2. Kiến nghị xử lý tài chính theo kết quả kiểm toán

Thực hiện nộp ngân sách Nhà nước số tiền thuế và các khoản phải nộp khác do Kiểm toán nhà nước xác định tăng thêm số tiền là 62.942.845 đồng, trong đó: Thuế TNDN tăng 50.982.845 đồng, Thuế GTGT tăng 11.960.000 đồng.

2. Đối với Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV

Thông qua người đại diện phần vốn Nhà nước, chỉ đạo và đôn đốc Công ty thực hiện nghiêm túc các ý kiến kết luận của Kiểm toán nhà nước.

[illegible]

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN XE MIỀN TÂY**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thừa

rhina

Số hiệu Thẻ KTVNN: B0283



Số hiệu thẻ KTVNN: B0275

**CHI TIẾT CÁC PHÁT HIỆN SAI SÓT VỀ THU NSNN NĂM 2017
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0301121128			
1	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		50.982.845	Do thay đổi kết quả kinh doanh qua kiểm toán.	
2	Thuế Giá trị gia tăng		11.960.000	Do chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với hàng hóa dùng làm quà tặng người lao động và khách hàng.	
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng		683.015.625	Do đơn vị trích thừa theo Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐTV ngày 14/6/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn TNHH MTV.	

